UBND TỈNH GIA LAI
SỞ CÔNG THƯƠNG

Số: 53./BC-SCT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 27 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO

Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 04-NQ/TU ngày 13/01/2007 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XIII) về phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp giai đoạn 2007-2015 và định hướng đến năm 2020

Thực hiện văn bản số 414/UBND-TH ngày 07/02/2017 của UBND tỉnh về việc chuẩn bị nội dung chương trình làm việc của Ban thường vụ Tỉnh ủy năm 2017. Trong đó UBND tỉnh giao Sở Công Thương chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và đầu tư; Ban quản lý khu kinh tế; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các ngành liên quan Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 13/01/2007 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XIII) về phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp giai đoạn 2007-2015 và định hướng đến năm 2020.

Sở Công Thương đã có văn bản số 150/SCT-CN, văn bản số 151/SCT-CN ngày 16/02/2017 và văn bản số 170/SCT-CN ngày 23/02/1017 đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố, Ban Quản lý các Khu kinh tế tỉnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư chuẩn bị nội dung làm việc của Ban Thường vụ Tỉnh ủy năm 2017 về phát triển khu, cụm công nghiệp giai đoạn 2007-2015 và định hướng đến năm 2020. Sau khi tổng hợp, Sở Công Thương báo cáo như sau:

PHẦN THỨ NHẤT
TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

I. Về tổ chức triển khai:

Sau khi nghị quyết ban hành, các ngành, các cấp đã tổ chức tuyên truyền quán triệt Nghị quyết và các chủ trương về phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp; Mặt trận và các đoàn thể tổ chức quán triệt và triển khai vận động các tầng lớp nhân dân, tạo sự đồng thuận trong việc tổ chức thực hiện quy hoạch, đền bù giải phóng mặt bằng và phát triển các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn. Trên cơ sở mục tiêu nhiệm vụ cấp ủy, chính quyền các cấp đã xây dựng chương trình kế hoạch, biện pháp cụ thể để triển khai thực hiện Nghị quyết nhằm đẩy mạnh phát triển các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn.

Qua đó, nhận thức của các cấp, các ngành, của cán bộ, đảng viên và nhân dân có nhiều chuyển biến tích cực, đồng tình ủng hộ về chủ trương phát triển khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành, đoàn thể trong việc triển khai thực hiện các mục tiêu và 09 nhóm nhiệm vụ, giải pháp có hiệu quả. Những khó khăn, vướng mắc, trong quá trình triển khai thực hiện phát triển khu, cụm công nghiệp trước và sau khi có Nghị quyết từng bước được tháo gỡ, góp phần phát triển ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

II. Những kết quả đạt được.

1. Về công tác quy hoạch.

1.1. Các Khu công nghiệp:

Theo Nghị quyết 04-NQ/TU của Ban Thường vụ tỉnh uỷ, trên địa bàn tỉnh dự kiến quy hoạch phát triển 05 Khu công nghiệp ở các huyện, thị xã và thành phố Pleiku với tổng diện tích quy hoạch giai đoạn 2006-2015 là 507,8 ha; đến năm 2020 dự kiến mở rộng 05 khu công nghiệp đã quy hoạch với tổng diện tích là 1.104,7 ha.

Giai đoạn 2006 – 2015, tỉnh đã quy hoạch được 03 khu công nghiệp: Khu công nghiệp Trà Đa, Khu công nghiệp thuộc Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh (không nằm trong danh mục Khu công nghiệp của Nghị quyết 04-NQ/TU) và Khu Công nghiệp Tây Pleiku (đã được đưa khỏi quy hoạch theo văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ số 1808/TTg-KTN ngày 13/10/2016 về việc điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển các khu công nghiệp của tỉnh Gia Lai đến năm 2020) với tổng diện tích 423,4 ha, đạt 83,38% mục tiêu giai đoạn 2006 – 2015 mà Nghị quyết đề ra.

Đến thời điểm báo cáo, tỉnh đã quy hoạch được 03 khu công nghiệp: Khu công nghiệp Trà Đa, Khu công nghiệp thuộc Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh và đang hoàn thiện để trình UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch Khu công nghiệp Nam Pleiku (theo văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ số 1808/TTg-KTN ngày 13/10/2016 về việc điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển các khu công nghiệp của tỉnh Gia Lai đến năm 2020) với tổng diện tích 621,95 ha, đạt 56,3% mục tiêu giai đoạn 2016 – 2020 mà Nghị quyết đề ra. Thực trạng quy hoạch từng Khu công nghiệp cụ thể như sau:

a, Khu công nghiệp Trà Đa:

Đến nay, Khu Công nghiệp Trà Đa, thành phố Pleiku đã được quy hoạch với tổng diện tích 213,3 Ha (đã bao gồm 15 Ha đất dịch vụ). Bao gồm Khu Công nghiệp Trà Đa 109,3 Ha và Khu Công nghiệp Trà Đa mở rộng 104 Ha. Cụ thể:

- Khu Công nghiệp Trà Đa có diện tích 109,3 Ha được thành lập theo ý kiến chỉ đạo tại văn bản số 1590/CP-CN ngày 14/11/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc đồng ý thành lập Khu Công nghiệp Trà Đa, tỉnh Gia Lai và đã được UBND tỉnh Gia Lai phê duyệt dự án khả thi xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Trà Đa tỉnh Gia Lai theo Quyết định số 1493/QĐ-CT ngày 25/12/2003.

- Khu Công nghiệp Trà Đa mở rộng có diện tích 104 Ha được thực hiện theo Quyết định số 616/QĐ-UBND ngày 16/9/2011 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng mở rộng Khu Công nghiệp Trà Đa, thành phố Pleiku.

b, Khu công nghiệp thuộc Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh:

Khu công nghiệp thuộc Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh, tỉnh Gia Lai đã được UBND phê duyệt quy hoạch chi tiết tại Quyết định 589/QĐ-UBND ngày 18/09/2009, với quy mô 210,1ha. Đã thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng với diện tích là 37,2 Ha nhưng đến nay vẫn chưa được hoàn chỉnh.

c, Khu công nghiệp Nam Pleiku:

Khu công nghiệp Nam Pleiku đã được Thủ tướng Chính đồng ý bổ sung Quy hoạch phát triển các khu công nghiệp của tỉnh Gia Lai đến năm 2020 theo văn bản chỉ đạo số 1808/TTg-KTN ngày 13/10/2016. Nhiệm vụ quy hoạch Khu công nghiệp Nam Pleiku đã được UBND tỉnh đã ban hành theo Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 05/8/2016. Đến nay, Ban Quản lý đã lập hồ sơ Quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp Nam Pleiku, tỷ lệ 1/500; đã hoàn thành việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư, các sở, ngành liên quan và đang chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ. Dự kiến cuối quý I/2017 sẽ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

1.2. Cụm công nghiệp:

Thực hiện Nghị quyết 04-NQ/TU, ngày 29/7/2010, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 500/QĐ-UBND về kế hoạch phát triển và quản lý cụm công nghiệp giai đoạn 2010 - 2015 và định hướng đến năm 2020, theo đó đến năm 2015, mỗi huyện quy hoạch ít nhất một cụm công nghiệp có diện tích không quá 50 Ha.

Theo Nghị quyết 04-NQ/TU tỉnh ủy dự kiến quy hoạch phát triển cụm công nghiệp đến năm 2015 là 24 cụm công nghiệp với tổng diện tích 968,4 ha; đến năm 2020 dự kiến mở rộng các cụm công nghiệp trên lên 1.228,4 ha.

Thực tế triển khai giai đoạn 2006 - 2015, có 13 cụm công nghiệp đã lập quy hoạch chi tiết và được UBND tỉnh phê duyệt (trong đó có 06 Cụm công nghiệp đã được UBND tỉnh ra Quyết định thành lập cụm công nghiệp) với tổng diện tích 395,42 ha, đạt 40,83% mà Nghị quyết giai đoạn 2006 – 2015 đã đề ra. Đến thời điểm báo cáo, có 03 cụm công nghiệp đang tiến hành lập thủ tục thành lập cụm công nghiệp và quy hoạch chi tiết với diện tích 130 ha. Sau khi hoàn thành và trình UBND tỉnh phê duyệt sẽ tăng diện tích cụm công nghiệp lên 525,42ha, góp phần đạt 46,56% mục tiêu Nghị quyết giai đoạn 2016 – 2020 đã đề ra. Riêng huyện Đức Cơ không triển khai lập quy hoạch do đã có quy hoạch Khu công nghiệp thuộc Khu Kinh tế cửa khẩu Quốc tế Lệ Thanh. Cụ thể:

a, Cụm Công nghiệp đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết:

Có 13 cụm công nghiệp đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết với tổng diện tích 395,42 ha. Trong đó Có 06 Cụm công nghiệp đã được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập gồm: Cụm công nghiệp Diên Phú, Cụm công nghiệp Ia Khươl, Cụm công nghiệp Đăk Djrăng, Cụm công nghiệp tập trung Chư Sê, Cụm công nghiệp An Khê và Cụm công nghiệp Phú Thiện. Cụ thể:

- Cụm công nghiệp Diên Phú, thành phố Pleiku: 40 ha;
- Cụm công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp Ia Khươl, huyện Chư Păh: 53,91 ha;
- Cụm công nghiệp Đăk Djrăng, huyện Mang Yang: 15 ha;
- Cụm công nghiệp tập trung Chư Sê, huyện Chư Sê: 51,5 ha;
- Cụm công nghiệp An Khê, thị xã An Khê: 50 ha.
- Cụm công nghiệp Phú Thiện, huyện Phú Thiện: 47,01 ha;
- Cụm công nghiệp Ia Sao, thị xã Ayun Pa: 15 ha;
- Cụm công nghiệp Ia Grai, huyện Ia Grai: 15 ha;
- Cụm công nghiệp Kông Chro, huyện Kông Chro: 15 ha;
- Cụm công nghiệp Chư Prông, huyện Chư Prông: 15 ha;
- Cụm công nghiệp Phú An, huyện Đăk Pơ: 15 ha;

- Cụm công nghiệp Ia Pa, huyện Ia Ia: 15 ha;
- Cụm công nghiệp Chư Pưh, huyện Chư Pưh: 48 ha.

b, Cụm Công nghiệp đang tiến hành lập thủ tục thành lập cụm công nghiệp và quy hoạch chi tiết:

Có 03 cụm công nghiệp đang tiến hành lập thủ tục thành lập cụm công nghiệp và quy hoạch chi tiết với tổng diện tích 130 ha. Cụ thể:

- Cụm công nghiệp Krông Pa, huyện Krông Pa: 50 ha;
- Cụm công nghiệp Kbang, huyện Kbang: 40 ha;
- Cụm công nghiệp Đăk Đoa, huyện Đăk Đoa: 40 ha.

2. Kết quả đầu tư xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp:

2.1 Các Khu công nghiệp: Trên cơ sở các quy hoạch chi tiết xây dựng Khu Công nghiệp Trà Đa đã được phê duyệt, Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh đã tổ chức triển khai đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp. Trong đó Khu công nghiệp Trà Đa đã đầu tư tương đối hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật; Khu công nghiệp thuộc Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh đầu tư hạ tầng Khu A với diện tích là 37,2 ha. Nhìn chung, việc đầu tư hạ tầng kỹ thuất các Khu công nghiệp đã thực hiện đạt được mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết 04-NQ/TU. Riêng đối với Khu Công nghiệp Tây Pleiku không thực hiện được theo mục tiêu nghị quyết đã đề ra. Cụ thể:

a, Khu công nghiệp Trà Đa:

Khu công nghiệp Trà Đa (213,3Ha) đã được đầu tư tương đối hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật với tổng nguồn vốn đầu tư 143,62 tỷ đồng. Cụ thể:

- Khu Công nghiệp Trà Đa (diện tích 109,3 ha): Sau khi được Ủy ban nhân nhân tỉnh Gia Lai phê duyệt dự án khả thi xây dựng cơ sở hạ tầng theo Quyết định số 1493/QĐ-CT ngày 25/12/2003, Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh đã chỉ đạo tổ chức đầu tư hoàn chỉnh và đưa vào hoạt động hạ tầng kỹ thuật Khu Công nghiệp với tổng vốn đầu tư 78,32 tỷ đồng.
- Khu Công nghiệp Trà Đa mở rộng (diện tích 104 ha): Trên cơ sở Quyết định số 616/QĐ-UBND ngày 16/9/2011 về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng mở rộng Khu Công nghiệp Trà Đa đã được UBND tỉnh phê duyệt, Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh đã tiến hành đầu tư hạ tầng kỹ thuật. Đến thời điểm báo cáo, Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh đã đầu tư gần 70% hạng mục công trình với số tiền đầu tư 65,3 tỷ đồng.

b, Khu công nghiệp Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh:

Thực hiện Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng giao thông Khu A đã được UBND tỉnh phê duyệt, Ban quản lý tiến hành thực hiện các thủ tục lập hồ sơ thiết kế, kế hoạch đấu thầu, … và triển khai thi công xây dựng với tổng vốn đầu tư 26,49 tỷ đồng.

c, Khu công nghiệp Tây Pleiku:

Do vị trí đầu tư Khu Công nghiệp Tây Pleiku không thuận lợi nên Thủ tướng Chính phủ đã đồng ý đưa Khu công nghiệp Tây Pleiku ra khỏi Quy hoạch phát triển Khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2020 theo văn bản số 1808/TTg-KTN ngày 13/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch

phát triển các khu công nghiệp của tỉnh Gia Lai đến năm 2020. Do đó, Mục tiêu *"Đến năm 2015, phấn đấu cơ bản hoàn thành xây dựng hạ tầng và thu hút đầu tư giai đoạn 1, triển khai giai đoạn 2 của Khu công nghiệp Tây Pleiku"* không triển khai thực hiện được theo Nghị quyết 04-NQ/TU của Tỉnh ủy.

d, Khu công nghiệp Nam Pleiku:

Nhiệm vụ quy hoạch Khu công nghiệp Nam Pleiku đã được Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch số 528/QĐ-UBND ngày 05/8/2016. Đến nay, Ban Quản lý đã lập hồ sơ Quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp Nam Pleiku, tỷ lệ 1/500; đã hoàn thành việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư, các sở, ngành liên quan và đang chỉnh sửa và hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2.2 Các Cụm công nghiệp:

Thực hiện Nghị quyết 04-NQ/TU của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các Sở, ban, ngành chức năng và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp, bố trí vốn đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp nhằm tạo mặt bằng sạch, có đủ hạ tầng kỹ thuật cho các nhà đầu tư. Đến nay, đã có 05 cụm công nghiệp đang đầu tư hạ tầng với tổng số vốn đầu tư 77,12 tỷ đồng. Nhìn chung đến năm 2015, việc giải phóng mặt bằng đạt 06/13 cụm công nghiệp đã quy hoạch, đạt 46,15% mục tiêu Nghị quyết đề ra và đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp chỉ đạt 05/13 cụm công nghiệp đã quy hoạch, đạt 38,46%. Cụ thể như sau:

a, Cụm công nghiệp Diên Phú, thành phố Pleiku: Thực hiện Quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 15/01/2010 của UBND tỉnh, UBND thành phố đã chỉ đạo các Phòng, ban triển khai thực hiện và tổ chức giải phóng 100% mặt bằng cụm công nghiệp. Đến thời điểm báo cáo, đã triển khai thực hiện đầu tư với số tiền 50,87 tỷ đồng, đạt 62,95% so với tổng mức đầu tư hạ tầng được phê duyệt (80,81 tỷ đồng).

b, Cụm công nghiệp Ia Khươl, huyện Chư Păh: Thực hiện Quyết định số 831/QĐ-UBND ngày 17/6/2009 của UBND tỉnh, UBND huyện Chư Păh đã triển khai thực hiện đền bù giải phóng 100% mặt bằng cụm công nghiệp và đầu tư hạ tầng với số tiền 13,17 tỷ đồng, đạt 35,45% so với tổng mức đầu tư hạ tầng được phê duyệt. Trong đó vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ 6 tỷ đồng, vốn ngân sách địa phương 7,17 tỷ đồng.

c, Cụm công nghiệp nghiệp Đăk Djrăng, huyện Mang Yang: Thực hiện Quyết định số 97/QĐ-UBND ngày 27/01/2011 của UBND tỉnh, UBND huyện Mang Yang đã triển khai thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng 10,5 ha, đạt 70% và đầu tư hạ tầng với số tiền 6,48 tỷ đồng, đạt 27% so với tổng mức đầu tư hạ tầng được phê duyệt, trong đó vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ 3,5 tỷ đồng, vốn ngân sách địa phương 2,98 tỷ đồng.

d, Cụm công nghiệp Chư Prông: Thực hiện Quyết định số 1804/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND, UBND huyện đã triển khai thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng 14,85 ha, đạt 99 % và đầu tư hạ tầng với số tiền 6,1 tỷ đồng, đạt 52,23% so với tổng mức đầu tư hạ tầng được phê duyệt. Trong đó vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ 6 tỷ đồng.

e, Cụm công nghiệp tập trung Kông Chro: Thực hiện Quyết định số 782/QĐ-UBND ngày 03/12/2009 của UBND tỉnh, UBND huyện đã tổ chức triển khai thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng 0,67 ha (với nguồn vốn do Công ty TNHH Trọng Nguyên đóng góp), đạt 4,5 %. Tuy nhiên, do chưa có vốn đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp nên đến thời điểm báo cáo, cụm công nghiệp chưa đầu tư hạ tầng kỹ thuật.

f, Cụm công nghiệp tập trung Chư Sê, huyện Chư Sê: đã tổ chức đền bù và giải phóng mặt bằng 3,8 ha, đạt 7,4 %.

g, Các cụm công nghiệp còn lại: Chưa thực hiện công tác giải phóng mặt bằng.

3. Tình hình thu hút đầu tư:

3.1. Các Khu công nghiệp:

a, Khu Công nghiệp Trà Đa:

- Khu công nghiệp Trà Đa (109 ha): Tính đến cuối năm 2010 đã thu hút 31 dự án với tổng diện tích 77,976 ha, đạt tỷ lệ lấp đầy 100% diện tích xây dựng nhà máy của Khu công nghiệp, đạt mục tiêu Nghị quyết 04-NQ/TU của tỉnh ủy đề ra.

- Khu công nghiệp Trà Đa mở rộng (104 ha): Thực hiện Quyết định số 616/QĐ-UBND ngày 16/9/2011 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng mở rộng Khu Công nghiệp Trà Đa. UBND tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và các Sở, ban, ngành chức năng tăng cường công tác kêu gọi đầu tư, đến nay đã thu hút được 11 dự án với tổng diện tích 37,53 ha chiếm 56% diện tích xây dựng nhà máy của Khu công nghiệp trong đó có 06 dự án đã được Ban Quản lý Khu kinh tế cho thuê đất với diện tích 17,17ha có 05 dự án đã được Ban Quản lý Khu kinh tế thỏa thuận vị trí thuê đất với diện tích 20,36ha.

- Tổng vốn đầu tư đăng ký là 1.665.333 triệu đồng. Tổng vốn đầu tư đã thực hiện là 1.012.689 triệu đồng (chiếm 60,81% so với tổng vốn đăng ký). Trong đó: có 04 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI (*chiếm 9,09% tổng dự án đầu tư vào Khu công nghiệp*), với vốn đầu tư đăng ký là 238.991 triệu đồng *(chiếm 14,35 % tổng vốn đầu tư đăng ký tại KCN)* và vốn đầu tư thực hiện là 253.345 triệu đồng *(chiếm 25,02% tổng vốn đầu tư thực hiện tại KCN và vượt 6% so với vốn đầu tư các doanh nghiệp FDI đăng ký).*

b, Khu Công nghiệp thuộc Khu kinh tế cửa khẩu Lệ Thanh: Đến thời điểm báo cáo, Khu Công nghiệp thuộc Khu kinh tế cửa khẩu Lệ Thanh đã thu hút 02 dự án đầu tư với diện tích 4,68 ha, chiếm 12,58% diện tích Khu A Khu Công nghiệp thuộc Khu kinh tế cửa khẩu Lệ Thanh. Tổng vốn đầu tư 34.437 triệu đồng.

3.2. Các cụm công nghiệp: Hiện nay trên địa bàn tỉnh đã có 05 Cụm công nghiệp với tổng diện tích là 175,41 ha đã đi vào hoạt động, thu hút 58 dự án đầu tư (trong đó có 17 dự án đã hoàn thành đi vào hoạt động, 13 dự án đang xây dựng và 28 dự án đang lập dự án và đăng ký đầu tư) với tổng vốn đầu tư 350,2 tỷ đồng, trong đó tổng vốn đã thực hiện 169,5 tỷ đồng; giải quyết công việc làm cho 1.500 công nhân lao động. Các doanh nghiệp đầu tư theo đúng ngành nghề đã đăng ký

phù hợp với Quy hoạch chi tiết phân khu chức năng và sử dụng hiệu quả diện tích thuê đất để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

4. Hoạt động sản suất Công nghiệp của các đơn vị trong Khu công nghiệp, cụm công nghiệp:

4.1. Khu công nghiệp:

Nhìn chung, đến thời điểm báo cáo, chỉ có Khu Công nghiệp Trà Đa đã có doanh nghiệp đầu tư và đang hoạt động sản xuất kinh doanh (Khu công nghiệp thuộc Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh có 02 dự án đang triển khai đầu tư, Khu công nghiệp Nam Pleiku đang quy hoạch chi tiết 1/500) nên các việc đóng góp vào giá trị sản xuất công nghiệp tỉnh nhà do các Doanh nghiệp trong Khu Công nghiệp Trà Đa thực hiện. Giá trị sản xuất công nghiệp trong Khu Công nghiệp như sau:

- Năm 2007: Giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp (theo giá cố định 94) đạt 2.407,1 tỷ đồng. Trong đó, giá trị sản xuất trong Khu công nghiệp đạt 195 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 8,1% tổng giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh;
- Năm 2010: Giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp (theo giá cố định 94) đạt 4.600,77 tỷ đồng. Trong đó, giá trị sản xuất trong Khu công nghiệp đạt 453,18 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 9,85% tổng giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh.
- Năm 2015: Giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp (theo giá so sánh 2010) đạt 15.184,9 tỷ đồng. Trong đó, giá trị sản xuất trong Khu công nghiệp đạt 1.102,7 tỷ đồng (theo giá cố định 94) tương đương 2.557,5 tỷ đồng (theo giá so sánh 2010), chiếm tỷ trọng 16,84% tổng giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh.

Đến nay tổng số lao động của các doanh nghiệp trong Khu công nghiệp là 1.713 người; trong đó lao động người dân tộc thiểu số 467 người (chiếm 27,3%); lao động qua đào tạo 369 người (chiếm 21,5%); thu nhập bình quân của người lao động là 4,7 triệu đồng/người/tháng, các doanh nghiệp đã thực hiện cơ bản đầy đủ các chế độ cho người lao động theo quy định.

4.2. Cụm công nghiệp: Hiện nay trên địa bàn tỉnh đã có 05 Cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động, thu hút 58 dự án đầu tư. Trong đó: có 17 dự án đã hoàn thành đi vào hoạt động, hàng năm đóng góp vào giá trị sản xuất công nghiệp hơn 163,38 tỷ đồng.

5. Hiệu quả kinh tế - xã hội:

Việc phát triển các khu, cụm công nghiệp đem lại hiệu quả đáng kể, góp phần tăng trưởng kinh tế, tăng trưởng tỷ trọng ngành sản xuất công nghiệp và giá trị kim ngạch xuất khẩu của tỉnh. Giải quyết việc làm, giảm tình trạng thất nghiệp. Các doanh nghiệp trong Khu công nghiệp Trà Đa sau hơn 10 năm hoạt động sản xuất - kinh doanh đã đi vào ổn định và phát triển: năm 2007 giá trị sản xuất đạt 195 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 8,1% tổng giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh; Năm 2010 đạt 453,18 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 9,85% tổng giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh và năm 2015 đạt 1.102,7 tỷ đồng (theo giá cố định 94) tương đương 2.557,5 tỷ đồng (theo giá so sánh 2010), chiếm tỷ trọng 16,84% tổng giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh. Kim ngạch xuất khẩu hàng công nghiệp của các doanh nghiệp tại các Khu công nghiệp tăng qua từng năm: năm 2007 kim ngạch

xuất khẩu đạt 3 triệu USD; năm 2010 thực hiện 27,7 triệu USD, năm 2015 đạt 58,8 triệu USD, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2007 – 2015 đạt 45,05%/năm. Thu nộp ngân sách địa phương: trong năm 2016, các doanh nghiệp tại Khu công nghiệp Trà Đa và Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh đã nộp 68,95 tỷ đồng vào ngân sách tỉnh (*tăng 253,6% so với năm 2015: 19,5 tỷ đồng*). Đến nay tổng số lao động của các doanh nghiệp trong Khu công nghiệp là 1.713 người; trong đó lao động người dân tộc thiểu số 467 người (chiếm 27,3%); lao động qua đào tạo 369 người (chiếm 21,5%); thu nhập bình quân của người lao động là 4,7 triệu đồng/người/tháng, các doanh nghiệp đã thực hiện cơ bản đầy đủ các chế độ cho người lao động theo quy định.

Các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai hầu hết mới được hình thành. Các Cụm công nghiệp bước đầu đã giải quyết mặt bằng sản xuất cho các doanh nghiệp, khắc phục tình trạng gây ô nhiễm môi trường tại các làng nghề, khu dân cư, giải quyết được nhiều việc làm cho lao động là người địa phương. Đồng thời các doanh nghiệp tham gia đầu tư sản xuất nghiều ngành nghề, lĩnh vực khác nhau, khai thác tốt tiềm năng, lợi thế về nguồn nguyên liệu của từng địa phương trong tỉnh; góp phần đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện chiến lược công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn. Bên cạnh đó. Các cụm công nghiệp đã thu hút, tạo việc làm cho gần 1.500 lao động, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, nâng cao đời sông của người dân.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG:

1. Ưu điểm:

- Qua 10 năm triển khai thực hiện Nghị quyết 04-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ, nhận thức của các cấp ủy, chính quyền, Đảng viên, công nhân lao động và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh về phát triển các khu, cụm công nghiệp được nâng lên.

- Để thực hiện hiệu quả Nghị quyết, UBND tỉnh đã chỉ đạo các Sở, ban, ngành tập trung thực hiện các chính sách kêu gọi thu hút khuyến khích đầu tư vào Khu, cụm công nghiệp; nhất là những doanh nghiệp hoạt động thuộc lĩnh vực, ngành nghề có tiềm năng lợi thế của tỉnh; thực hiện tốt công tác cải cách thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư. Qua đó, cơ bản hoàn thành một số mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu của Nghị quyết 04-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đề ra như:

+ Giá trị sản xuất công nghiệp trong Khu công nghiệp tăng cao qua các năm, đóng góp đáng kể vào giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh, cụ thể: Năm 2007, giá trị sản xuất trong Khu công nghiệp chiếm tỷ trọng 8,1%; năm 2010 chiếm tỷ trọng 9,85% và đến năm 2015 chiếm tỷ trọng 16,84% tổng giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh. Đạt tương đối so với Nghị quyết đề ra (18%).

+ Tốc độ tăng trưởng bình quân về kim ngạch xuất khẩu hàng công nghiệp tăng cao qua từng năm. Kim ngạch xuất khẩu hàng công nghiệp của các doanh nghiệp tại các Khu công nghiệp tăng qua từng năm: năm 2007 kim ngạch xuất khẩu đạt 3 triệu USD; năm 2010 thực hiện 27,7 triệu USD, năm 2015 đạt 58,8 triệu USD, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2007 – 2015 đạt 45,05%/năm.

+ Tỷ lệ lấp đầy Khu công nghiệp Trà Đa năm 2010 đạt 100%.

+ Hoàn thiện hồ sơ, trình và đã được Chính phủ ban hành Quyết định thành lập Khu công nghiệp Tây Pleiku.

+ Dưới sự chỉ đạo của UBND tỉnh, một số cụm công nghiệp có điều kiện thuận lợi đã được UBND các huyện, thị xã, thành phố nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện. Đến năm 2010, 06/13 cụm công nghiệp có điều kiện thuận lợi đã được các cấp chính quyền tổ chức đền bù giải phóng mặt bằng như: Cụm công nghiệp Diên Phú, thành phố Pleiku; Cụm công nghiệp Ia Khươl, huyện Chư Păh và Cụm công nghiệp Chư Prông đền bù giải phóng 100%; Cụm công nghiệp tập trung Chư Sê tổ chức đền bù giải phóng 7,4%; Cụm công nghiệp nghiệp Đăk Djrăng, huyện Mang Yang đền bù giải phóng 70% và Cụm công nghiệp tập trung Kông Chro tổ chức đền bù giải phóng 4,5%.

+ Đã tổ chức thực hiện phê duyệt quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp huyện Chư Pưh là huyện mới chia tách từ huyện Chư Sê.

+ Đã tổ chức thành lập 06 cụm công nghiệp/13 cụm công nghiệp đã được Quy hoạch.

+ Đến năm 2015 đã nâng tổng diện tích các Khu, cụm công nghiệp 818,82 ha, đạt 58,49% mục tiêu đến 2015 mà Nghị quyết đề ra. Trong đó: Khu công nghiệp năm 2015 có diện tích 423,4 ha, đạt 83,38% mục tiêu Nghị quyết đề ra; Cụm công nghiệp năm 2015 có diện tích 395,42 ha, đạt 40,83% mục tiêu Nghị quyết đề ra.

- Quy hoạch và phát triển các cụm công nghiệp ở các huyện, thị xã, thành phố cơ bản đã định hình, thu hút các cơ sở, doanh nghiệp vào sản xuất – kinh doanh tập trung và khai thác tiềm năng, lợi thế của từng địa phương trong tỉnh; góp phần đẩy nhanh quá trình *"công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn"*.

- Bên cạnh những thành công về kinh tế, khu công nghiệp còn đóng góp tích cực vào đời sống xã hội như việc thiết lập mô hình khu công nghiệp gắn với khu đô thị, khu dân cư; góp phần giải quyết mặt bằng sản xuất cho các doanh nghiệp sản xuất trên địa bàn với nhiều ngành nghề, lĩnh vực khác nhau, khai thác tốt các tiềm năng, lợi thế về nguồn nguyên liệu của từng địa phương trong tỉnh, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động. Bước đầu hình thành khu sản xuất độc lập với khu dân cư, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, người lao động được đào tạo, đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất công nghiệp, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động khu vực nông thôn. Việc hình thành các cụm công nghiệp góp phần khắc phục tình trạng gây ô nhiễm môi trường trong khu dân cư do các cơ sở sản xuất công nghiệp gây ra.

Nguyên nhân kết quả đạt được:

- Quy chế quản lý cụm công nghiệp đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 105/2009/QĐ-TTg ngày 19/8/2009, trên cơ sở đó các địa phương triển khai thực hiện. Bên cạnh đó, Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và đầu tư của Trung ương; công tác quản lý Nhà nước đối với các khu, cụm công nghiệp ngày càng được tăng cường.

- Sự chỉ đạo của các cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương các cấp đã tổ chức tuyên truyền, quán triệt triển khai thực hiện Nghị quyết.

- Nghị quyết 04/-NQ/TU ra đời tạo điều kiện thuận lợi trong việc quy hoạch khu, cụm công nghiệp như kế hoạch phát triển các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh; Bên cạnh đó, Sự chỉ đạo của UBND tỉnh, các Sở, ngành liên quan và của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương các cấp đã tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức thực hiện các mục tiêu Nghị quyết đã đề ra.

- Việc ban hành kịp thời các văn bản hỗ trợ đầu tư, danh mục dự án kêu gọi đầu tư như: Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND ngày 23/5/2016 về việc ban hành Qui định một số chính sách hỗ trợ đầu tư áp dụng tại địa bàn tỉnh Gia Lai; Quyết định số 766/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 về việc Phê duyệt danh mục dự án kêu gọi đầu tư của tỉnh Gia Lai giai đoạn 2016 – 2018 đã tạo môi trường đầu tư nhất là các dự án đầu tư vào các Khu, cụm công nghiệp; bên cạnh đó, việc quan tâm, chỉ đạo của UBND tỉnh, các Sở, ngành liên quan trong việc kêu gọi và xúc tiến đầu tư các dự án có tiềm năng, lợi thế của tỉnh đầu tư vào các Khu, cụm công nghiệp đã góp phần thực hiện thành công các mục tiêu Nghị quyết đã đề ra.

- Năng lực của các doanh nghiệp trên địa bàn có nhiều chuyển biến, ý thức bảo vệ môi trường ngày càng được cải thiện. Các doanh nghiệp đã từng bước quan tâm đầu tư thiết bị hiện đại để nâng cao năng lực cạnh tranh, hiệu quả đầu tư.

- Sự quan tâm của các tổ chức công đoàn phối hợp với các doanh nghiệp chú trọng chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của công nhân, từ đó công nhân yên tâm làm việc, tăng năng xuất, chất lượng sản phẩm.

2. Những tồn tại, hạn chế, vướng mắc trong triển khai thực hiện Nghị quyết

- Phần lớn các mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu đã đạt được theo Nghị quyết 04-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đề ra, tuy nhiên vẫn còn một số mục tiêu nhiệm vụ chưa đạt được như:

+ Giá trị sản xuất công nghiệp trong Khu công nghiệp tăng cao qua các năm nhưng đến năm 2015, giá trị sản xuất công nghiệp chiếm tỷ trọng 16,84% chưa đạt mục tiêu Nghị quyết đề ra là 18%.

+ Tỷ lệ xuất khẩu hàng công nghiệp trong Khu công nghiệp tăng cao qua từng năm nhưng giá trị vẫn còn thấp so với tiềm năng, lợi thế của tỉnh.

+ Công tác đền bù, giải phóng mặt bằng các cụm công nghiệp đã được triển khai, tuy nhiên tốc độ vẫn chậm so với mục tiêu Nghị quyết đã đề ra. Đến năm 2015, việc giải phóng mặt bằng chỉ đạt 06/13 cụm công nghiệp đã quy hoạch, đạt 46,15% mục tiêu Nghị quyết đề ra, trong đó, có 03 cụm công nghiệp đã thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng 100% là: Cụm công nghiệp Diên Phú, thành phố Pleiku, Cụm công nghiệp Ia Khươl, huyện Chư Păh và Cụm công nghiệp Chư Prông; 03 cụm còn lại chỉ mới thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng một phần như: Cụm công nghiệp nghiệp Đăk Djrăng - huyện Mang Yang (70%), Cụm công nghiệp tập trung Kông Chro (4,5%) và Cụm công nghiệp tập trung Chư Sê, huyện Chư Sê (7,4%).

+ Tuy đã nỗ lực trong việc phát triển Khu, cụm công nghiệp, tuy nhiên đến năm 2015, tổng diện tích các Khu, cụm công nghiệp chỉ đạt 58,49% mục tiêu Nghị quyết. Trong đó: Khu công nghiệp chỉ đạt 83,38%, Cụm công nghiệp chỉ đạt 40,83% mục tiêu mà Nghị quyết đề ra.

- Công tác quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết và các chủ trương của Đảng, Nhà nước về phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp ở một số ngành, địa phương chưa thật sự quan tâm. Đến nay, chỉ có 06/16 cụm công nghiệp đã hoàn thiện các thủ tục và được UBND tỉnh ra quyết định thành lập Cụm công nghiệp theo Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg ngày 19/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế Quản lý cụm công nghiệp.

- Về cơ chế, chính sách quản lý đất đai tại các cụm công nghiệp còn nhiều bất cập, các văn bản quy phạm pháp luật thay đổi liên tục nên khó khăn trong công tác quản lý.

- Công tác quy hoạch phát triển khu, cụm công nghiệp đến năm 2020 còn chậm, vốn đầu tư hạ tầng khu, cụm công nghiệp hạn chế, việc triển khai thực hiện quy hoạch như giải phóng mặt bằng, đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển dịch vụ, lập dự án thu hút, kêu gọi đầu tư triển khai chậm và hiệu quả chưa cao. Công tác thu hút đầu tư, đặc biệt đầu tư nước ngoài vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đã được quan tâm nhưng chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của tỉnh.

- Đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật và công nhân lành nghề ở các khu, cụm công nghiệp còn thiếu, trình độ khoa học công nghệ, trang thiết bị sản xuất còn lạc hậu… do đó hiệu quả sản xuất kinh doanh chưa cao. Ý thức chấp hành pháp luật về xây dựng và bảo vệ môi trường của các nhà đầu tư chưa thật sự được chú trọng do đó vẫn còn nhiều doanh nghiệp vi phạm.

- Vẫn còn một số doanh nghiệp chưa quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân, người lao động như chưa thực hiện đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bố trí nhà ở tập thể nên việc quản lý thiếu chặt chẽ người lao động chưa yên tâm làm việc nên ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất.

**** Nguyên nhân tồn tại hạn chế:***

- Do xuất phát điểm thấp cùng với những hạn chế về vị trí địa lý, cơ sở hạ tầng, trình độ nguồn nhân lực…đã cản trở việc thu hút đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp cũng như thu hút các doanh nghiệp vào sản xuất, kinh doanh trong các khu, cụm công nghiệp.

- Theo định hướng Nghị quyết có 05 Khu công nghiệp và 24 cụm công nghiệp; tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực tế, một số Khu công nghiệp và cụm công nghiệp nếu đầu tư sẽ tốn ngân sách nhà nước cũng như kém hiệu quả sử dụng đất như: Khu Công nghiệp Tây Pleiku (đã được đưa khỏi quy hoạch theo văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ số 1808/TTg-KTN ngày 13/10/2016), Khu công nghiệp Song An, KCN Chư Sê với quy mô cụm công nghiệp theo quyết định số 500/QĐ-UBND về "kế hoạch phát triển và quản lý cụm công nghiệp giai đoạn 2010 - 2015 và định hướng đến năm 2020" và 08 cụm công nghiệp còn lại. Do vậy, đến thời điểm hiện nay, chỉ mới có 01 Khu Công nghiệp Trà Đa và 16 cụm công nghiệp được định hình (trong đó 13 cụm đã được phê duyệt Quy hoach, 03 cụm đang triển khai hồ sơ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt); đồng thời phát sinh 02 Khu công nghiệp mới là Khu Công nghiệp thuộc Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh và Khu công nghiệp Nam Pleiku. Vì thế, một số mục tiêu nhiệm vụ của Nghị quyết đến năm 2015 không thực hiện được.

- Mức hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho các khu, cụm công nghiệp của Trung ương còn thấp, chưa đáp ứng nhu cầu nên việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho các khu, cụm công nghiệp chưa đạt được mục tiêu Nghị quyết đã đề ra.

- Một số cấp ủy các cấp, các ngành, địa phương trong tỉnh chưa nhận thức được tầm quan trọng về phát triển các khu, cụm công nghiệp trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội nói chung, phát triển công nghiệp nói riêng; chưa tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và có định hướng lâu dài về lĩnh vực này. Trong kêu gọi thu hút đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp, chưa chú trọng lựa chọn các doanh nghiệp có quy mô lớn, trình độ công nghệ tiên tiến. Mô hình, cơ chế, công tác quản lý, nguồn nhân lực đầu tư hạ tầng cho các khu, cụm công nghiệp còn nhiều hạn chế; bộ máy quản lý các khu công nghiệp mới hình thành, trình độ, năng lực, kinh nghiệp quản lý chưa đáp ứng được yêu cầu, công tác cải cách thủ tục hành chính chưa hiệu quả.

3. Bài học kinh nghiệm

Một là, cấp ủy chính quyền địa phương các cấp phải cụ thể hóa Nghị quyết thành những chính sách, chương trình hành động, kế hoạch cụ thể, đồng bộ và thống nhất. Trong quá trình thực hiện cần có sự phân công, phân cấp, hạn chế tình trạng quản lý chồng chéo, bất cập.

Hai là, việc hỗ trợ, ưu đãi cho các doanh nghiệp đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp tuy đã phát huy hiệu quả bước đầu, góp phần thu hút doanh nghiệp đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh nhưng hiệu quả sử dụng đất của một số doanh nghiệp chưa cao, còn nhiều lãng phí.

Ba là, công tác giải phóng mặt bằng cần được các huyện, thị xã, thành phố tăng cường quan tâm chỉ đạo. Các địa phương cần tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật, vận động nhân dân tuân thủ các quy định của pháp luật, tạo điều kiện đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng để triển khai quy hoạch các khu, cụm công nghiệp.

Bốn là, các ngành, các địa phương căn cứ vào các quy định về hỗ trợ, ưu đãi đầu tư của Trung ương và của tỉnh để chủ động kêu gọi đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp.

Năm là, các Sở, ngành và các địa phương sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư hạ tầng Khu, cụm công nghiệp; tăng cường kêu gọi các thành phần kinh tế trong việc đầu tư hạ tầng Khu, cụm công nghiệp.

PHẦN THỨ HAI
NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TIẾP TỤC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRONG NHỮNG NĂM ĐẾN

Để thực hiện các mục tiêu về phát triển khu, cụm công nghiệp đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025 mà Nghị quyết số 04-NQ/TU của Ban thường vụ Tỉnh ủy đã đề ra. đòi hỏi các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành cần khắc phục những hạn chế trên và triển khai một số nghiệm vụ, giải pháp sau:

I. Nhiệm vụ:

1. Tập trung chỉ đạo các ngành chức năng và địa phương nghiên cứu thực hiện các quy định của Chính phủ về phát triển khu, cụm công nghiệp. Đồng thời, tiếp tục rà soát, xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch và chính sách về phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp của tỉnh. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện 09 nhóm nhiệm vụ và giải pháp đề ra trong Nghị quyết; thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công nghiệp hóa - hiện đại hóa nói chung và phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp nói riêng

2. Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg ngày 19/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ về *"ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp"*. Theo đó, định hướng quy hoạch và thành lập các cụm công nghiệp có quy mô không quá 50 ha trên một cụm công nghiệp; chỉ đạo các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai quyết định số 500/QĐ-UBND về "kế hoạch phát triển và quản lý cụm công nghiệp giai đoạn 2010 - 2015 và định hướng đến năm 2020"; hoàn tất hồ sơ thành lập cụm công nghiệp và trung tâm phát triển cụm công nghiệp để quản lý, thu hút đầu tư và xây dựng cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp.

3. Nghiên cứu ban hành, sửa đổi một số cơ chế chính sách đầu tư vào khu, cụm công nghiệp cho phù hợp với thực tế địa phương.

II. Giải pháp:

Để thực hiện các mục tiêu về phát triển khu, cụm công nghiệp đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 mà Nghị quyết số 04-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XIII) đã đề ra, đòi hỏi các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành, đoàn thể cần khắc phục những hạn chế trên và triển khai một số giải pháp sau:

1. Đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết 04-NQ/TU ngày 13/01/2007 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XIII) đến toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân để có nhận thức đúng và đầy đủ về vai trò, trách nhiệm cũng như chủ trương phát triển khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Cấp ủy, chính quyền, mặt trận, đoàn thể các cấp tăng cường công tác kiểm tra. Giám sát việc tiếp tục triển khai Nghị quyết 04-NQ/TU ngày 13/01/2007 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy để kịp thời phát hiện khó khăn, vướng mắc nảy sinh từ thực tiễn để có hướng lãnh đạo, chỉ đạo tháo gỡ.

3. Tiếp tục tổ chức thực hiện tốt công tác cải cách hành chính áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001: 2008, thực hiện cơ chế *"một cửa liên thông"* nhằm tạo sự thông thoáng, thuận lợi cho doanh nghiệp trong cấp, điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các loại giấy phép, chứng chỉ, chứng nhận; tổ chức thực hiện các thủ tục hành chính nhà nước và dịch vụ hỗ trợ có liên quan đến hoạt động đầu tư trong khu, cụm công nghiệp. Hướng dẫn, hỗ trợ, đánh giá hiệu quả đầu tư, kiểm tra, giám sát và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình hình thành và phát triển các khu, cụm công nghiệp.

4. Các huyện, thị xã, thành phố chủ động đẩy nhanh công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, đề xuất các vị trí phù hợp để quy hoạch các khu, cụm công nghiệp nhằm giảm thiểu tối đa ảnh hưởng đến đất rừng, đất sản xuất của nhân dân đặt biệt là đất trồng lúa. Tăng cường đầu tư xây dựng hạ tầng các khu, cụm cụm công nghiệp;

đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, kêu gọi, khuyến khích đầu và tăng cường công tác quản lý hoạt động của các khu, cụm công nghiệp.

Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg ngày 19/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ về *"ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp"*. Theo đó, định hướng quy hoạch và thành lập các cụm công nghiệp có quy mô không quá 50 ha trên một cụm công nghiệp; chỉ đạo các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai quyết định số 500/QĐ-UBND về "kế hoạch phát triển và quản lý cụm công nghiệp giai đoạn 2010 - 2015 và định hướng đến năm 2020"; hoàn tất hồ sơ thành lập cụm công nghiệp và trung tâm phát triển cụm công nghiệp để quản lý, thu hút đầu tư và xây dựng cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp.

5. Các địa phương thành lập cụm công nghiệp có vị trí và quy mô phù hợp với nhu cầu thực tế sản xuất; chủ động tổ chức, kêu gọi, huy động nguồn vốn từ các thành phần kinh tế để đầu tư cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp và kêu gọi các dự án đầu tư vào cụm công nghiệp.

6. Nhằm phát huy được hiệu quả của các Khu, Cụm công nghiệp, chính quyền địa phương tăng cường công tác tuyên truyền, vận động và có biện pháp di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp gây ô nhiễm môi trường trong khu vực dân cư vào cụm công nghiệp; đồng thời có phương án hỗ trợ các cơ sở tiểu thủ công nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp.

7. Tăng cường công tác xúc tiến đầu tư, tổ chức hội thảo, quảng bá thế mạnh của địa phương nhằm khuyến khích, kêu gọi thu hút đầu tư, ưu tiên các lĩnh vực chế biến sâu có nguồn nguyên liệu ổn định tại địa phương như chế biến nông sản, các sản phẩm từ mủ cao su…

8. Thu hút nhà đầu tư theo phương thức chọn lọc: ưu tiên thu hút các doanh nghiệp có tiềm lực và ngành nghề phù hợp, nhà đầu tư có công nghệ tiên tiến, hiện đại, tiết kiệm, nguyên, nhiên, vật liệu và thân thiện với môi trường và sử dụng nhiều lao động, đóng góp lớn cho ngân sách và có sản phẩm xuất khẩu. Chú trọng công tác xúc tiến kêu gọi các doanh nghiệp lớn có vốn nước ngoài vào đầu tư tại khu, cụm công nghiệp. Quan tâm phát triển ngành công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn.

9. Có biện pháp hướng dẫn, hỗ trợ cho các doanh nghiệp đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp, đánh giá hiệu quả đầu tư, kiểm tra, giám sát và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình hình thành và phát triển các khu, cụm công nghiệp.

10. Tăng cường tuyên truyền, nhắc nhở và áp dụng các biện pháp chế tài đủ mạnh để các chủ doanh nghiệp thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tê, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo đúng quy định. Chú trọng công tác bảo vệ môi trường ở các khu, cụm công nghiệp, từng bước đầu tư hệ thống xử lý chất thải đảm bảo theo các tiêu chuẩn môi trường hiện hành. Các doanh nghiệp cơ sở sản xuất trong khu, cụm công nghiệp đều phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc có cam kết bảo vệ môi trường theo đúng quy định của pháp luật.

PHẦN THỨ BA
KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kiến nghị các Bộ, ngành Trung ương:

- Đề nghị Chính phủ sớm ban hành Nghị định về Quy chế quản lý Cụm công nghiệp để địa phương có cơ sở triển khai thực hiện (dự thảo của Nghị định đã lấy ý kiến lần 2).

- Bố trí nguồn vốn phù hợp, ưu tiên cho những địa phương còn nhiều khó khăn như Gia Lai để đảm bảo nguồn vốn đầu tư xây dựng hạ tầng các khu, cụm công nghiệp tạo điều kiện thu hút các nhà đầu tư. Có chính sách hỗ trợ, hướng dẫn các thủ tục vay vốn để doanh nghiệp có điều kiện tiếp các nguồn vốn ưu đãi của Chính phủ, đầu tư cho sản xuất kinh doanh.

- Đề nghị các Bộ, ngành Trung ương tiếp tục hoàn thiện các Thông tư hướng dẫn, quy định, quy chế, các văn bản hướng dẫn và các quy định về quản lý khu công nghiệp, cụm công nghiệp tránh chồng chéo, không phù hợp thực tiễn, gây khó khăn cho các địa phương trong việc áp dụng.

2. Kiến nghị, đề xuất UBND tỉnh:

- Trong quá trình triển khai thực tế, một số Khu công nghiệp và cụm công nghiệp nếu đầu tư sẽ tốn ngân sách nhà nước cũng như kém hiệu quả sử dụng đất như: Khu Công nghiệp Tây Pleiku (đã được đưa khỏi quy hoạch theo văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ số 1808/TTg-KTN ngày 13/10/2016), Khu công nghiệp Song An, KCN Chư Sê với quy mô cụm công nghiệp theo quyết định số 500/QĐ-UBND về "kế hoạch phát triển và quản lý cụm công nghiệp giai đoạn 2010 - 2015 và định hướng đến năm 2020" và 08 cụm công nghiệp còn lại. Do vậy, Đề xuất UBND tỉnh kiến nghị Ban Thường vụ tỉnh ủy điều chỉnh, bổ sung như sau:

+ Bổ sung Khu Công nghiệp Nam Pleiku, Khu công nghiệp Trà Đa mở rộng (104 Ha) và Khu công nghiệp thuộc Khu Kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh vào Danh mục các Khu, cụm công nghiệp giai đoạn 2015 – 2020 của Nghị quyết 04.

+ Đưa Khu Công nghiệp Tây Pleiku ra khỏi Danh mục các Khu, cụm công nghiệp giai đoạn 2015 – 2020 của Nghị quyết 04.

+ Điều chỉnh các Khu công nghiệp Song An – thị xã An Khê, Khu công nghiệp Ia Sao – thị xã Ayun Pa và Khu công nghiệp Chư Sê – huyện Chư Sê thành các cụm công nghiệp cho phù hợp với quy mô theo quyết định số 500/QĐ-UBND của UBND tỉnh.

- Kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh thực hiện cấp phép đầu tư theo đúng ngành nghề, vị trí được phê duyệt để đảm bảo tính hợp lý, mỹ quan và phát huy được hiệu quả sử dụng đất tại các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Để tăng cường công tác quản lý, thực hiện Quy hoạch, bố trí sắp xếp ngành nghề, thu hút đầu tư đối với các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh, Sở Công Thương đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện các nội dung sau:

+ Đối với các cụm công nghiệp đã quy hoạch chi tiết, giải phóng mặt bằng và đang đầu tư hạ tầng: Quản lý khai thác có hiệu quả diện tích đất cụm công nghiệp, thực hiện tốt công tác quản lý đất đai đã đền bù giải phóng mặt bằng

trong cụm công nghiệp, không để các tổ chức, cá nhân lấn chiếm; đồng thời quản lý tốt công tác sử dụng đất của các doanh nghiệp đã và đang đầu tư vào Cụm công nghiệp đảm bảo sử dụng đúng mục đích, tăng hiệu quả đầu tư trong Cụm công nghiệp; huy động các nguồn vốn, các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp, tập trung tăng cường kêu gọi, khuyến khích đầu tư vào cụm công nghiệp với những ngành nghề chế biến có thế mạnh về nguồn nguyên liệu của địa phương.

+ Đối với các địa phương chưa thành lập cụm công nghiệp: Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã căn cứ nhu cầu đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, khả năng có dự án đăng ký đầu tư với những ngành sản xuất, chế biến giải quyết được nguồn nguyên liệu và phát huy được hiệu quả kinh tế - xã hội của địa phương thì dự kiến thành lập cụm công nghiệp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét.

+ Tổ chức kêu gọi, thu hút đầu tư theo danh mục dự án kêu gọi đầu tư của tỉnh và ngành nghề khuyến khích đầu tư tại Quyết định số 21/2015/QĐ-UBND ngày 11/9/2015, tập trung kêu gọi thu hút đầu tư đối với các dự án có tiềm năng, thế mạnh của địa phương về nguồn nguyên liệu và lao động tại chỗ; thu hút đầu tư có chọn lọc, có định hướng theo ngành nghề phù hợp với điều kiện phát triển của từng địa phương; ưu tiên thu hút các dự án có công nghệ tiên tiến, hiện đại, thân thiện với môi trường đầu tư vào Cụm công nghiệp.

+ Chỉ đạo các Phòng, ban chức năng áp dụng kịp thời các cơ chế, chính sách về khuyến khích ưu đãi đầu tư của Chính phủ, hướng dẫn của các Bộ, ngành liên quan và các văn bản chỉ đạo của tỉnh nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư vào cụm công nghiệp.

Trên đây là báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 04-NQ/TU ngày 13/01/2007 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XIII) về phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp giai đoạn 2007-2015 và định hướng đến năm 2020 của Sở Công Thương. Kính đề nghị UBND tỉnh xem xét./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu VP, QLCN.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ CÔNG THƯƠNG
TỈNH GIA LAI

Đào Thị Thu Nguyệt

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP

(V/v: hoàn thiện báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện
Nghị quyết 04-NQ/TU ngày 13/01/2007 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Hôm nay, vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 24 tháng 3 năm 2017, tại Văn phòng Sở Công Thương tỉnh Gia Lai.

I/ Thành phần tham dự gồm có:

1. Đại diện Sở Công Thương:

+ Bà: Đào Thị Thu Nguyệt Chức vụ: Giám đốc Sở - Chủ trì cuộc họp;

+ Ông: Trần Đức Hưng Chức vụ: Trưởng phòng QLCN;

+ Ông: Võ Hoài Nam Chức vụ: Chuyên viên Phòng QLCN.

2. Đại diện Sở Kế hoạch và Đầu Tư:

+ Ông: Dương Nghĩa Trung Chức vụ: Chuyên viên Phòng Kinh tế ngành.

3. Đại diện Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh:

+ Ông: Nguyễn Xuân Hùng Chức vụ: Phó Chánh văn phòng;

+ Ông: Nguyễn Lê Hải Đăng Chức vụ: Chuyên viên.

4. Trung tâm Phát triển hạ tầng Cụm công nghiệp Diên Phú:

+ Ông: Nguyễn Huy Hải Chức vụ: Giám đốc.

II/ Nội dung cuộc họp:

Thực hiện ý kiến chỉ đạo tại văn bản số 1029/UBND-CNXD ngày 20/3/2017 của UBND tỉnh về việc hoàn thiện báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 04-NQ/TU ngày 13/01/2007 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Sở Công Thương tổ chức cuộc họp thông qua dự thảo báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 04-NQ/TU ngày 13/01/2007 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy với một số nội dung cụ thể như sau:

II. Những kết quả đạt được.

1. Về công tác quy hoạch.

1.1. Các Khu công nghiệp:

Theo Nghị quyết 04-NQ/TU của Ban Thường vụ tỉnh uỷ, trên địa bàn tỉnh dự kiến quy hoạch phát triển 05 Khu công nghiệp ở các huyện, thị xã và thành phố Pleiku với tổng diện tích quy hoạch giai đoạn 2006-2015 là 507,8 ha; đến năm 2020 dự kiến mở rộng 05 khu công nghiệp đã quy hoạch với tổng diện tích là 1.104,7 ha.

Giai đoạn 2006 – 2015, tỉnh đã quy hoạch được 03 khu công nghiệp: Khu công nghiệp Trà Đa, Khu công nghiệp thuộc Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ

Thanh (không nằm trong danh mục Khu công nghiệp của Nghị quyết 04-NQ/TU) và Khu Công nghiệp Tây Pleiku (đã được đưa khỏi quy hoạch theo văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ số 1808/TTg-KTN ngày 13/10/2016 về việc điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển các khu công nghiệp của tỉnh Gia Lai đến năm 2020) với tổng diện tích 423,4 ha, đạt 83,38% mục tiêu giai đoạn 2006 – 2015 mà Nghị quyết đề ra.

Đến thời điểm báo cáo, tỉnh đã quy hoạch được 03 khu công nghiệp: Khu công nghiệp Trà Đa, Khu công nghiệp thuộc Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh và đang hoàn thiện để trình UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch Khu công nghiệp Nam Pleiku (theo văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ số 1808/TTg-KTN ngày 13/10/2016 về việc điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển các khu công nghiệp của tỉnh Gia Lai đến năm 2020) với tổng diện tích 621,95 ha, đạt 56,3% mục tiêu giai đoạn 2016 – 2020 mà Nghị quyết đề ra. Thực trạng quy hoạch từng Khu công nghiệp cụ thể như sau:

a, Khu công nghiệp Trà Đa:

Đến nay, Khu Công nghiệp Trà Đa, thành phố Pleiku đã được quy hoạch với tổng diện tích 213,3 Ha (đã bao gồm 15 Ha đất dịch vụ). Bao gồm Khu Công nghiệp Trà Đa 109,3 Ha và Khu Công nghiệp Trà Đa mở rộng 104 Ha. Cụ thể:

- Khu Công nghiệp Trà Đa có diện tích 109,3 Ha được thành lập theo ý kiến chỉ đạo tại văn bản số 1590/CP-CN ngày 14/11/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc đồng ý thành lập Khu Công nghiệp Trà Đa, tỉnh Gia Lai và đã được UBND tỉnh Gia Lai phê duyệt dự án khả thi xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Trà Đa tỉnh Gia Lai theo Quyết định số 1493/QĐ-CT ngày 25/12/2003.

- Khu Công nghiệp Trà Đa mở rộng có diện tích 104 Ha được thực hiện theo Quyết định số 616/QĐ-UBND ngày 16/9/2011 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng mở rộng Khu Công nghiệp Trà Đa, thành phố Pleiku.

b, Khu công nghiệp thuộc Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh:

Khu công nghiệp thuộc Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh, tỉnh Gia Lai đã được UBND phê duyệt quy hoạch chi tiết tại Quyết định 589/QĐ-UBND ngày 18/09/2009, với quy mô 210,1ha. Đã thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng với diện tích là 37,2 Ha nhưng đến nay vẫn chưa được hoàn chỉnh.

c, Khu công nghiệp Nam Pleiku:

Khu công nghiệp Nam Pleiku đã được Thủ tướng Chính đồng ý bổ sung Quy hoạch phát triển các khu công nghiệp của tỉnh Gia Lai đến năm 2020 theo văn bản chỉ đạo số 1808/TTg-KTN ngày 13/10/2016. Nhiệm vụ quy hoạch Khu công nghiệp Nam Pleiku đã được UBND tỉnh đã ban hành theo Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 05/8/2016. Đến nay, Ban Quản lý đã lập hồ sơ Quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp Nam Pleiku, tỷ lệ 1/500; đã hoàn thành việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư, các sở, ngành liên quan và đang chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ. Dự kiến cuối quý I/2017 sẽ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

1.2. Cụm công nghiệp:

Thực hiện Nghị quyết 04-NQ/TU, ngày 29/7/2010, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 500/QĐ-UBND về kế hoạch phát triển và quản lý cụm công nghiệp giai đoạn 2010 - 2015 và định hướng đến năm 2020, theo đó đến năm 2015, mỗi huyện quy hoạch ít nhất một cụm công nghiệp có diện tích không quá 50 Ha.

Theo Nghị quyết 04-NQ/TU tỉnh ủy dự kiến quy hoạch phát triển cụm công nghiệp đến năm 2015 là 24 cụm công nghiệp với tổng diện tích 968,4 ha; đến năm 2020 dự kiến mở rộng các cụm công nghiệp trên lên 1.228,4 ha.

Thực tế triển khai giai đoạn 2006 - 2015, có 13 cụm công nghiệp đã lập quy hoạch chi tiết và được UBND tỉnh phê duyệt (trong đó có 06 Cụm công nghiệp đã được UBND tỉnh ra Quyết định thành lập cụm công nghiệp) với tổng diện tích 395,42 ha, đạt 40,83% mà Nghị quyết giai đoạn 2006 – 2015 đã đề ra. Đến thời điểm báo cáo, có 03 cụm công nghiệp đang tiến hành lập thủ tục thành lập cụm công nghiệp và quy hoạch chi tiết với diện tích 130 ha. Sau khi hoàn thành và trình UBND tỉnh phê duyệt sẽ tăng diện tích cụm công nghiệp lên 525,42ha, góp phần đạt 46,56% mục tiêu Nghị quyết giai đoạn 2016 – 2020 đã đề ra. Riêng huyện Đức Cơ không triển khai lập quy hoạch do đã có quy hoạch Khu công nghiệp thuộc Khu Kinh tế cửa khẩu Quốc tế Lệ Thanh. Cụ thể:

a, Cụm Công nghiệp đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết:

Có 13 cụm công nghiệp đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết với tổng diện tích 395,42 ha. Trong đó Có 06 Cụm công nghiệp đã được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập gồm: Cụm công nghiệp Diên Phú, Cụm công nghiệp Ia Khươl, Cụm công nghiệp Đăk Djrăng, Cụm công nghiệp tập trung Chư Sê, Cụm công nghiệp An Khê và Cụm công nghiệp Phú Thiện. Cụ thể:

- Cụm công nghiệp Diên Phú, thành phố Pleiku: 40 ha;
- Cụm công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp Ia Khươl, huyện Chư Păh: 53,91 ha;
- Cụm công nghiệp Đăk Djrăng, huyện Mang Yang: 15 ha;
- Cụm công nghiệp tập trung Chư Sê, huyện Chư Sê: 51,5 ha;
- Cụm công nghiệp An Khê, thị xã An Khê: 50 ha.
- Cụm công nghiệp Phú Thiện, huyện Phú Thiện: 47,01 ha;
- Cụm công nghiệp Ia Sao, thị xã Ayun Pa: 15 ha;
- Cụm công nghiệp Ia Grai, huyện Ia Grai: 15 ha;
- Cụm công nghiệp Kông Chro, huyện Kông Chro: 15 ha;
- Cụm công nghiệp Chư Prông, huyện Chư Prông: 15 ha;
- Cụm công nghiệp Phú An, huyện Đăk Pơ: 15 ha;
- Cụm công nghiệp Ia Pa, huyện Ia Ia: 15 ha;
- Cụm công nghiệp Chư Pưh, huyện Chư Pưh: 48 ha.

b, Cụm Công nghiệp đang tiến hành lập thủ tục thành lập cụm công nghiệp và quy hoạch chi tiết:

Có 03 cụm công nghiệp đang tiến hành lập thủ tục thành lập cụm công nghiệp và quy hoạch chi tiết với tổng diện tích 130 ha. Cụ thể:

- Cụm công nghiệp Krông Pa, huyện Krông Pa: 50 ha;

- Cụm công nghiệp Kbang, huyện Kbang: 40 ha;

- Cụm công nghiệp Đăk Đoa, huyện Đăk Đoa: 40 ha.

2. Kết quả đầu tư xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp:

2.1 Các Khu công nghiệp: Trên cơ sở các quy hoạch chi tiết xây dựng Khu Công nghiệp Trà Đa đã được phê duyệt, Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh đã tổ chức triển khai đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp. Trong đó Khu công nghiệp Trà Đa đã đầu tư tương đối hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật; Khu công nghiệp thuộc Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh đầu tư hạ tầng Khu A với diện tích là 37,2 ha. Nhìn chung, việc đầu tư hạ tầng kỹ thuất các Khu công nghiệp đã thực hiện đạt được mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết 04-NQ/TU. Riêng đối với Khu Công nghiệp Tây Pleiku không thực hiện được theo mục tiêu nghị quyết đã đề ra. Cụ thể:

a, Khu công nghiệp Trà Đa:

Khu công nghiệp Trà Đa (213,3Ha) đã được đầu tư tương đối hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật với tổng nguồn vốn đầu tư 143,62 tỷ đồng. Cụ thể:

- Khu Công nghiệp Trà Đa (diện tích 109,3 ha): Sau khi được Ủy ban nhân nhân tỉnh Gia Lai phê duyệt dự án khả thi xây dựng cơ sở hạ tầng theo Quyết định số 1493/QĐ-CT ngày 25/12/2003, Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh đã chỉ đạo tổ chức đầu tư hoàn chỉnh và đưa vào hoạt động hạ tầng kỹ thuật Khu Công nghiệp với tổng vốn đầu tư 78,32 tỷ đồng.

- Khu Công nghiệp Trà Đa mở rộng (diện tích 104 ha): Trên cơ sở Quyết định số 616/QĐ-UBND ngày 16/9/2011 về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng mở rộng Khu Công nghiệp Trà Đa đã được UBND tỉnh phê duyệt, Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh đã tiến hành đầu tư hạ tầng kỹ thuật. Đến thời điểm báo cáo, Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh đã đầu tư gần 70% hạng mục công trình với số tiền đầu tư 65,3 tỷ đồng.

b, Khu công nghiệp Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh:

Thực hiện Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng giao thông Khu A đã được UBND tỉnh phê duyệt, Ban quản lý tiến hành thực hiện các thủ tục lập hồ sơ thiết kế, kế hoạch đấu thầu, … và triển khai thi công xây dựng với tổng vốn đầu tư 26,49 tỷ đồng.

c, Khu công nghiệp Tây Pleiku:

Do vị trí đầu tư Khu Công nghiệp Tây Pleiku không thuận lợi nên Thủ tướng Chính phủ đã đồng ý đưa Khu công nghiệp Tây Pleiku ra khỏi Quy hoạch phát triển Khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2020 theo văn bản số 1808/TTg-

KTN ngày 13/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển các khu công nghiệp của tỉnh Gia Lai đến năm 2020. Do đó, Mục tiêu *"Đến năm 2015, phấn đấu cơ bản hoàn thành xây dựng hạ tầng và thu hút đầu tư giai đoạn 1, triển khai giai đoạn 2 của Khu công nghiệp Tây Pleiku"* không triển khai thực hiện được theo Nghị quyết 04-NQ/TU của Tỉnh ủy.

d, Khu công nghiệp Nam Pleiku:

Nhiệm vụ quy hoạch Khu công nghiệp Nam Pleiku đã được Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch số 528/QĐ-UBND ngày 05/8/2016. Đến nay, Ban Quản lý đã lập hồ sơ Quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp Nam Pleiku, tỷ lệ 1/500; đã hoàn thành việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư, các sở, ngành liên quan và đang chỉnh sửa và hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2.2 Các Cụm công nghiệp:

Thực hiện Nghị quyết 04-NQ/TU của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các Sở, ban, ngành chức năng và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp, bố trí vốn đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp nhằm tạo mặt bằng sạch, có đủ hạ tầng kỹ thuật cho các nhà đầu tư. Đến nay, đã có 05 cụm công nghiệp đang đầu tư hạ tầng với tổng số vốn đầu tư 77,12 tỷ đồng. Nhìn chung đến năm 2015, việc giải phóng mặt bằng đạt 06/13 cụm công nghiệp đã quy hoạch, đạt 46,15% mục tiêu Nghị quyết đề ra và đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp chỉ đạt 05/13 cụm công nghiệp đã quy hoạch, đạt 38,46%. Cụ thể như sau:

a, Cụm công nghiệp Diên Phú, thành phố Pleiku: Thực hiện Quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 15/01/2010 của UBND tỉnh, UBND thành phố đã chỉ đạo các Phòng, ban triển khai thực hiện và tổ chức giải phóng 100% mặt bằng cụm công nghiệp. Đến thời điểm báo cáo, đã triển khai thực hiện đầu tư với số tiền 50,87 tỷ đồng, đạt 62,95% so với tổng mức đầu tư hạ tầng được phê duyệt (80,81 tỷ đồng).

b, Cụm công nghiệp Ia Khươl, huyện Chư Păh: Thực hiện Quyết định số 831/QĐ-UBND ngày 17/6/2009 của UBND tỉnh, UBND huyện Chư Păh đã triển khai thực hiện đền bù giải phóng 100% mặt bằng cụm công nghiệp và đầu tư hạ tầng với số tiền 13,17 tỷ đồng, đạt 35,45% so với tổng mức đầu tư hạ tầng được phê duyệt. Trong đó vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ 6 tỷ đồng, vốn ngân sách địa phương 7,17 tỷ đồng.

c, Cụm công nghiệp nghiệp Đăk Djrăng, huyện Mang Yang: Thực hiện Quyết định số 97/QĐ-UBND ngày 27/01/2011 của UBND tỉnh, UBND huyện Mang Yang đã triển khai thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng 10,5 ha, đạt 70% và đầu tư hạ tầng với số tiền 6,48 tỷ đồng, đạt 27% so với tổng mức đầu tư hạ tầng được phê duyệt, trong đó vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ 3,5 tỷ đồng, vốn ngân sách địa phương 2,98 tỷ đồng.

d, Cụm công nghiệp Chư Prông: Thực hiện Quyết định số 1804/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND, UBND huyện đã triển khai thực hiện đền

bù, giải phóng mặt bằng 14,85 ha, đạt 99 % và đầu tư hạ tầng với số tiền 6,1 tỷ đồng, đạt 52,23% so với tổng mức đầu tư hạ tầng được phê duyệt. Trong đó vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ 6 tỷ đồng.

e, Cụm công nghiệp tập trung Kông Chro: Thực hiện Quyết định số 782/QĐ-UBND ngày 03/12/2009 của UBND tỉnh, UBND huyện đã tổ chức triển khai thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng 0,67 ha (với nguồn vốn do Công ty TNHH Trọng Nguyên đóng góp), đạt 4,5 %. Tuy nhiên, do chưa có vốn đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp nên đến thời điểm báo cáo, cụm công nghiệp chưa đầu tư hạ tầng kỹ thuật.

f, Cụm công nghiệp tập trung Chư Sê, huyện Chư Sê: đã tổ chức đền bù và giải phóng mặt bằng 3,8 ha, đạt 7,4 %.

g, Các cụm công nghiệp còn lại: Chưa thực hiện công tác giải phóng mặt bằng.

3. Tình hình thu hút đầu tư:

3.1. Các Khu công nghiệp:

a, Khu Công nghiệp Trà Đa:

- Khu công nghiệp Trà Đa (109 ha): Tính đến cuối năm 2010 đã thu hút 31 dự án với tổng diện tích 77,976 ha, đạt tỷ lệ lấp đầy 100% diện tích xây dựng nhà máy của Khu công nghiệp, đạt mục tiêu Nghị quyết 04-NQ/TU của tỉnh ủy đề ra.

- Khu công nghiệp Trà Đa mở rộng (104 ha): Thực hiện Quyết định số 616/QĐ-UBND ngày 16/9/2011 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng mở rộng Khu Công nghiệp Trà Đa. UBND tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và các Sở, ban, ngành chức năng tăng cường công tác kêu gọi đầu tư, đến nay đã thu hút được 11 dự án với tổng diện tích 37,53 ha chiếm 56% diện tích xây dựng nhà máy của Khu công nghiệp trong đó có 06 dự án đã được Ban Quản lý Khu kinh tế cho thuê đất với diện tích 17,17ha có 05 dự án đã được Ban Quản lý Khu kinh tế thỏa thuận vị trí thuê đất với diện tích 20,36ha.

- Tổng vốn đầu tư đăng ký là 1.665.333 triệu đồng. Tổng vốn đầu tư đã thực hiện là 1.012.689 triệu đồng (chiếm 60,81% so với tổng vốn đăng ký). Trong đó: có 04 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI (*chiếm 9,09% tổng dự án đầu tư vào Khu công nghiệp*), với vốn đầu tư đăng ký là 238.991 triệu đồng *(chiếm 14,35 % tổng vốn đầu tư đăng ký tại KCN)* và vốn đầu tư thực hiện là 253.345 triệu đồng *(chiếm 25,02% tổng vốn đầu tư thực hiện tại KCN và vượt 6% so với vốn đầu tư các doanh nghiệp FDI đăng ký).*

b, Khu Công nghiệp thuộc Khu kinh tế cửa khẩu Lệ Thanh: Đến thời điểm báo cáo, Khu Công nghiệp thuộc Khu kinh tế cửa khẩu Lệ Thanh đã thu hút 02 dự án đầu tư với diện tích 4,68 ha, chiếm 12,58% diện tích Khu A Khu Công nghiệp thuộc Khu kinh tế cửa khẩu Lệ Thanh. Tổng vốn đầu tư 34.437 triệu đồng.

3.2. Các cụm công nghiệp: Hiện nay trên địa bàn tỉnh đã có 05 Cụm công nghiệp với tổng diện tích là 175,41 ha đã đi vào hoạt động, thu hút 58 dự án đầu tư (trong đó có 17 dự án đã hoàn thành đi vào hoạt động, 13 dự án đang xây dựng và 28 dự án đang lập dự án và đăng ký đầu tư) với tổng vốn đầu tư 350,2 tỷ đồng, trong đó tổng vốn đã thực hiện 169,5 tỷ đồng; giải quyết công việc làm cho 1.500 công nhân lao động. Các doanh nghiệp đầu tư theo đúng ngành nghề đã đăng ký phù hợp với Quy hoạch chi tiết phân khu chức năng và sử dụng hiệu quả diện tích thuê đất để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

4. Hoạt động sản suất Công nghiệp của các đơn vị trong Khu công nghiệp, cụm công nghiệp:

4.1. Khu công nghiệp:

Nhìn chung, đến thời điểm báo cáo, chỉ có Khu Công nghiệp Trà Đa đã có doanh nghiệp đầu tư và đang hoạt động sản xuất kinh doanh (Khu công nghiệp thuộc Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh có 02 dự án đang triển khai đầu tư, Khu công nghiệp Nam Pleiku đang quy hoạch chi tiết 1/500) nên các việc đóng góp vào giá trị sản xuất công nghiệp tỉnh nhà do các Doanh nghiệp trong Khu Công nghiệp Trà Đa thực hiện. Giá trị sản xuất công nghiệp trong Khu Công nghiệp như sau:

- Năm 2007: Giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp (theo giá cố định 94) đạt 2.407,1 tỷ đồng. Trong đó, giá trị sản xuất trong Khu công nghiệp đạt 195 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 8,1% tổng giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh;

- Năm 2010: Giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp (theo giá cố định 94) đạt 4.600,77 tỷ đồng. Trong đó, giá trị sản xuất trong Khu công nghiệp đạt 453,18 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 9,85% tổng giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh.

- Năm 2015: Giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp (theo giá so sánh 2010) đạt 15.184,9 tỷ đồng. Trong đó, giá trị sản xuất trong Khu công nghiệp đạt 1.102,7 tỷ đồng (theo giá cố định 94) tương đương 2.557,5 tỷ đồng (theo giá so sánh 2010), chiếm tỷ trọng 16,84% tổng giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh.

Đến nay tổng số lao động của các doanh nghiệp trong Khu công nghiệp là 1.713 người; trong đó lao động người dân tộc thiểu số 467 người (chiếm 27,3%); lao động qua đào tạo 369 người (chiếm 21,5%); thu nhập bình quân của người lao động là 4,7 triệu đồng/người/tháng, các doanh nghiệp đã thực hiện cơ bản đầy đủ các chế độ cho người lao động theo quy định.

4.2. Cụm công nghiệp: Hiện nay trên địa bàn tỉnh đã có 05 Cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động, thu hút 58 dự án đầu tư. Trong đó: có 17 dự án đã hoàn thành đi vào hoạt động, hàng năm đóng góp vào giá trị sản xuất công nghiệp hơn 163,38 tỷ đồng.

5. Hiệu quả kinh tế - xã hội:

Việc phát triển các khu, cụm công nghiệp đem lại hiệu quả đáng kể, góp phần tăng trưởng kinh tế, tăng trưởng tỷ trọng ngành sản xuất công nghiệp và

giá trị kim ngạch xuất khẩu của tỉnh. Giải quyết việc làm, giảm tình trạng thất nghiệp. Các doanh nghiệp trong Khu công nghiệp Trà Đa sau hơn 10 năm hoạt động sản xuất - kinh doanh đã đi vào ổn định và phát triển: năm 2007 giá trị sản xuất đạt 195 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 8,1% tổng giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh; Năm 2010 đạt 453,18 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 9,85% tổng giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh và năm 2015 đạt 1.102,7 tỷ đồng (theo giá cố định 94) tương đương 2.557,5 tỷ đồng (theo giá so sánh 2010), chiếm tỷ trọng 16,84% tổng giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh. Kim ngạch xuất khẩu hàng công nghiệp của các doanh nghiệp tại các Khu công nghiệp tăng qua từng năm: năm 2007 kim ngạch xuất khẩu đạt 3 triệu USD; năm 2010 thực hiện 27,7 triệu USD, năm 2015 đạt 58,8 triệu USD, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2007 – 2015 đạt 45,05%/năm. Thu nộp ngân sách địa phương: trong năm 2016, các doanh nghiệp tại Khu công nghiệp Trà Đa và Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh đã nộp 68,95 tỷ đồng vào ngân sách tỉnh (*tăng 253,6% so với năm 2015: 19,5 tỷ đồng*). Đến nay tổng số lao động của các doanh nghiệp trong Khu công nghiệp là 1.713 người; trong đó lao động người dân tộc thiểu số 467 người (chiếm 27,3%); lao động qua đào tạo 369 người (chiếm 21,5%); thu nhập bình quân của người lao động là 4,7 triệu đồng/người/tháng, các doanh nghiệp đã thực hiện cơ bản đầy đủ các chế độ cho người lao động theo quy định.

Các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai hầu hết mới được hình thành. Các Cụm công nghiệp bước đầu đã giải quyết mặt bằng sản xuất cho các doanh nghiệp, khắc phục tình trạng gây ô nhiễm môi trường tại các làng nghề, khu dân cư, giải quyết được nhiều việc làm cho lao động là người địa phương. Đồng thời các doanh nghiệp tham gia đầu tư sản xuất nghiều ngành nghề, lĩnh vực khác nhau, khai thác tốt tiềm năng, lợi thế về nguồn nguyên liệu của từng địa phương trong tỉnh; góp phần đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện chiến lược công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn. Bên cạnh đó. Các cụm công nghiệp đã thu hút, tạo việc làm cho gần 1.500 lao động, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, nâng cao đời sông của người dân.

<u>* ĐÁNH GIÁ CHUNG:</u>

1. Ưu điểm:

- Qua 10 năm triển khai thực hiện Nghị quyết 04-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ, nhận thức của các cấp ủy, chính quyền, Đảng viên, công nhân lao động và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh về phát triển các khu, cụm công nghiệp được nâng lên.

- Để thực hiện hiệu quả Nghị quyết, UBND tỉnh đã chỉ đạo các Sở, ban, ngành tập trung thực hiện các chính sách kêu gọi thu hút khuyến khích đầu tư vào Khu, cụm công nghiệp; nhất là những doanh nghiệp hoạt động thuộc lĩnh vực, ngành nghề có tiềm năng lợi thế của tỉnh; thực hiện tốt công tác cải cách thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư. Qua đó, cơ bản hoàn thành một số mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu của Nghị quyết 04-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đề ra như:

+ Giá trị sản xuất công nghiệp trong Khu công nghiệp tăng cao qua các năm, đóng góp đáng kể vào giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh, cụ thể: Năm 2007, giá trị sản xuất trong Khu công nghiệp chiếm tỷ trọng 8,1%; năm 2010 chiếm tỷ trọng 9,85% và đến năm 2015 chiếm tỷ trọng 16,84% tổng giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh. Đạt tương đối so với Nghị quyết đề ra (18%).

+ Tốc độ tăng trưởng bình quân về kim ngạch xuất khẩu hàng công nghiệp tăng cao qua từng năm. Kim ngạch xuất khẩu hàng công nghiệp của các doanh nghiệp tại các Khu công nghiệp tăng qua từng năm: năm 2007 kim ngạch xuất khẩu đạt 3 triệu USD; năm 2010 thực hiện 27,7 triệu USD, năm 2015 đạt 58,8 triệu USD, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2007 – 2015 đạt 45,05%/năm.

+ Tỷ lệ lấp đầy Khu công nghiệp Trà Đa năm 2010 đạt 100%.

+ Hoàn thiện hồ sơ, trình và đã được Chính phủ ban hành Quyết định thành lập Khu công nghiệp Tây Pleiku.

+ Dưới sự chỉ đạo của UBND tỉnh, một số cụm công nghiệp có điều kiện thuận lợi đã được UBND các huyện, thị xã, thành phố nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện. Đến năm 2010, 06/13 cụm công nghiệp có điều kiện thuận lợi đã được các cấp chính quyền tổ chức đền bù giải phóng mặt bằng như: Cụm công nghiệp Diên Phú, thành phố Pleiku; Cụm công nghiệp Ia Khươl, huyện Chư Păh và Cụm công nghiệp Chư Prông đền bù giải phóng 100%; Cụm công nghiệp tập trung Chư Sê tổ chức đền bù giải phóng 7,4%; Cụm công nghiệp nghiệp Đăk Djrăng, huyện Mang Yang đền bù giải phóng 70% và Cụm công nghiệp tập trung Kông Chro tổ chức đền bù giải phóng 4,5%.

+ Đã tổ chức thực hiện phê duyệt quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp huyện Chư Pưh là huyện mới chia tách từ huyện Chư Sê.

+ Đã tổ chức thành lập 06 cụm công nghiệp/13 cụm công nghiệp đã được Quy hoạch.

+ Đến năm 2015 đã nâng tổng diện tích các Khu, cụm công nghiệp 818,82 ha, đạt 58,49% mục tiêu đến 2015 mà Nghị quyết đề ra. Trong đó: Khu công nghiệp năm 2015 có diện tích 423,4 ha, đạt 83,38% mục tiêu Nghị quyết đề ra; Cụm công nghiệp năm 2015 có diện tích 395,42 ha, đạt 40,83% mục tiêu Nghị quyết đề ra.

- Quy hoạch và phát triển các cụm công nghiệp ở các huyện, thị xã, thành phố cơ bản đã định hình, thu hút các cơ sở, doanh nghiệp vào sản xuất – kinh doanh tập trung và khai thác tiềm năng, lợi thế của từng địa phương trong tỉnh; góp phần đẩy nhanh quá trình *"công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn"*.

- Bên cạnh những thành công về kinh tế, khu công nghiệp còn đóng góp tích cực vào đời sống xã hội như việc thiết lập mô hình khu công nghiệp gắn với khu đô thị, khu dân cư; góp phần giải quyết mặt bằng sản xuất cho các doanh nghiệp sản xuất trên địa bàn với nhiều ngành nghề, lĩnh vực khác nhau, khai thác tốt các tiềm năng, lợi thế về nguồn nguyên liệu của từng địa phương trong tỉnh, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động. Bước đầu

hình thành khu sản xuất độc lập với khu dân cư, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, người lao động được đào tạo, đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất công nghiệp, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động khu vực nông thôn. Việc hình thành các cụm công nghiệp góp phần khắc phục tình trạng gây ô nhiễm môi trường trong khu dân cư do các cơ sở sản xuất công nghiệp gây ra.

2. Những tồn tại, hạn chế, vướng mắc trong triển khai thực hiện Nghị quyết

- Phần lớn các mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu đã đạt được theo Nghị quyết 04-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đề ra, tuy nhiên vẫn còn một số mục tiêu nhiệm vụ chưa đạt được như:

+ Giá trị sản xuất công nghiệp trong Khu công nghiệp tăng cao qua các năm nhưng đến năm 2015, giá trị sản xuất công nghiệp chiếm tỷ trọng 16,84% chưa đạt mục tiêu Nghị quyết đề ra là 18%.

+ Tỷ lệ xuất khẩu hàng công nghiệp trong Khu công nghiệp tăng cao qua từng năm nhưng giá trị vẫn còn thấp so với tiềm năng, lợi thế của tỉnh.

+ Công tác đền bù, giải phóng mặt bằng các cụm công nghiệp đã được triển khai, tuy nhiên tốc độ vẫn chậm so với mục tiêu Nghị quyết đã đề ra. Đến năm 2015, việc giải phóng mặt bằng chỉ đạt 06/13 cụm công nghiệp đã quy hoạch, đạt 46,15% mục tiêu Nghị quyết đề ra, trong đó, có 03 cụm công nghiệp đã thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng 100% là: Cụm công nghiệp Diên Phú, thành phố Pleiku, Cụm công nghiệp Ia Khươl, huyện Chư Păh và Cụm công nghiệp Chư Prông; 03 cụm còn lại chỉ mới thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng một phần như: Cụm công nghiệp nghiệp Đăk Djrăng - huyện Mang Yang (70%), Cụm công nghiệp tập trung Kông Chro (4,5%) và Cụm công nghiệp tập trung Chư Sê, huyện Chư Sê (7,4%).

+ Tuy đã nỗ lực trong việc phát triển Khu, cụm công nghiệp, tuy nhiên đến năm 2015, tổng diện tích các Khu, cụm công nghiệp chỉ đạt 58,49% mục tiêu Nghị quyết. Trong đó: Khu công nghiệp chỉ đạt 83,38%, Cụm công nghiệp chỉ đạt 40,83% mục tiêu mà Nghị quyết đề ra.

5. Sau khi nghe dự thảo báo cáo của Sở Công Thương, các sở, ngành tham gia ý kiến như sau:

5.1. Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh:

Thống nhất với nội dung dự thảo báo cáo.

5.2. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh:

Thống nhất với nội dung dự thảo báo cáo.

6. Kết luận: Sau khi nghe ý kiến tham gia của các Sở, ngành, địa phương và nhà đầu tư báo cáo giải trình, cuộc họp thống nhất nội dung như sau:

Thống nhất báo cáo UBND tỉnh kết quả 10 năm thực hiện Nghị quyết 04-NQ/TU ngày 13/01/2007 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Biên bản kết thúc vào lúc 16 giờ 30 phút cùng ngày, các đơn vị tham gia cuộc họp cùng nghe và thống nhất các nội dung trong biên bản; biên bản được lập thành 05 bản và làm cơ sở để báo cáo đề xuất UBND tỉnh./.

SỞ CÔNG THƯƠNG	**SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**
KT/GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG Đào Thị Thu Nguyệt	Dương Nghĩa Trung
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH	**TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN CỤM CÔNG NGHIỆP DIÊN PHÚ**
Nguyễn Xuân Hùng	Nguyễn Huy Hải